

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số: 116/2021/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 08 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1176/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 9 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Hồng Thị L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 16/4 đường 9, tổ 10, khu phố L, phường L, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 16/4 đường 9, tổ 10, khu phố L, phường L, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T tìm hiểu 02 năm thì tự nguyện sống chung, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thạnh, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 19/10/2000. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống gia đình khó khăn về kinh tế nên thường xuyên gây gổ kéo dài đến năm 2019 thì ly thân cho đến nay. Xét cuộc sống chung giữa

bà L, ông T thực tế không còn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu H sinh ngày 20/11/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 07/11/2008. Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T thỏa thuận, ông T là trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Thị Tuyết N, bà L cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do đôi bên tự thực hiện với nhau.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L, ông T tự khai không có.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 19/10/2000 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường Trường Thạnh, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu H sinh ngày 20/11/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 07/11/2008. Giao cho Ông Nguyễn Văn T là trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Thị Tuyết N, Bà Hồng Thị L cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do đôi bên tự thực hiện với nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Bà Hồng Thị L và Ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047300 ngày 18/12/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L, ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND P. Trường Thạnh;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vi Na